TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Trần Thị Hằng và anh Phùng Văn Quyết"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hằng.

Ông Đoàn Hồng Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án khu vực 7 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày: 03-9-1971; căn cước công dân số: 036171004363; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn Q, sinh ngày: 23-6-1986; căn cước công dân số: 001086020477; nơi đăng ký thường trú: Xóm A - P, xã C, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số E L, phường T, tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2026, bản tự khai ngày 28-4-2026, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 21-3-2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam

Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hoà hợp, quan điểm sống bất đồng, không tìm được tiếng nói chung, anh Q nghiện rượu, thường xuyên uống rượu về đánh đập, chửi bới chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh Q từ bỏ rượu nhưng anh Q không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Từ tháng 5-2025 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, anh Q đã đi thuê nhà ở tại số E L, phường T, tỉnh Ninh Bình để sinh sống. Nay xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Phùng Văn Q.

- Về con chung: Chị và anh Phùng Văn Q có một con chung là Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân, cháu G sống cùng với chị tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu G sinh sống cùng với chị, cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phùng Thị Thu G.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Q sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Q không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 06-5-2026, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn là anh Phùng Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Trần Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách nên thường xuyên cãi chửi nhau, bên cạnh đó một phần cũng là do bản thân anh hay uống rượu, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Hai bên cũng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Từ tháng 5-2025 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, anh đã đi thuê nhà ở tại số E L, phường T, tỉnh Ninh Bình. Nay chị H có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh nhận thức được cái sai của mình, anh mong muốn chị H về chung sống đoàn tụ vì con nhưng đến nay chị H vẫn kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết

ly hôn, anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013. Hiện nay cháu G sống cùng với chị H tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H là người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh ngày 12-5-2026 tại Tổ dân phố C, phường N, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q có đăng ký kết hôn vào ngày 21-3-2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Ủ bản nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình) và có 01 con là cháu Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013. Hiện nay cháu G sống cùng với chị H tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng anh Q và chị H có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được nguyên nhân cụ thể xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng tháng 5-2025 anh Q đã sinh sống ở nơi khác, không ở cùng với chị H tại ngõ A đường V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

4. Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 07-5-2026 cháu Phùng Thị Thu G trình bày: Cháu là con mẹ Trần Thị H và bố Phùng Văn Q, nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên toà, chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q cùng có quan điểm thuận tình ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q.

- Về con chung: Căn cứ vào các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là cháu Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Phùng Văn Q có nơi cư trú tại: Số E L, phường T, tỉnh Ninh Bình nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 1 "Sửa đổi, bổ sung Điều 35" của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21-3-2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Ủ bản nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình)nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hoà hợp về tính cách, anh Q hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Anh chị cũng đã có thời gian khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn về chung sống đoàn tụ nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn không

thể hàn khắc phục được nên chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Tại phiên toà anh Q có quan điểm đồng ý thuận tình ly hôn với chị H.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H và anh Q cùng thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q.

2.2 Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q có 01 con chung là Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H và anh Q cùng có quan điểm sau khi ly hôn giao chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Thị Thu G, cháu G cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, sự sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và cũng đảm bảo ổn định tâm sinh lý của con chung sau khi bố mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q cùng có quan điểm thống nhất tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q mỗi bên phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm. Tại phiên toà, chị Trần Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phùng Văn Q nhất trí nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phùng Thị Thu G, sinh ngày 14-01-2013 (giới tính: Nữ).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phùng Văn Q vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị H nộp toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị H đã nộp tại biên lai số 3090 ngày 17-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Phùng Văn Q có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 24 ngày 21-3-2011, P.Trần Tế Xương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**